

THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN TH

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Chuẩn quốc gia	Tổng số			Chia ra										Cán bộ GVCNV					Phòng học				
							Lớp 1			Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Chia ra		
				Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	CBQL		Giáo viên	Giáo viên đoàn đội	Nhân viên	Kiên cố		Bán kiên cố	Tạm	
	TỔNG SỐ	440	373	9,848	333,242	67,132	2,007	67,081	66,307	1,933	64,557	2,014	68,433	1,872	62,856	2,022	70,315	16,842	1,116	14,234	255	1,492	6,174	6,128	44	2
1	Trường trực thuộc Sở			14	395	108	4	108	107	4	116	3	88	3	83			46		25		21	21	21		
2	Phường Châu Sơn	4	1	81	2,693	519	16	514	513	15	510	18	592	16	496	16	581	128	8	110	2	10	65	65		
3	Phường Đông A	4	4	88	3,357	706	19	699	691	17	663	18	689	16	618	18	688	152	10	125	3	17	43	40	3	
4	Phường Đông Hoa Lư	4	3	90	3,181	624	18	632	618	18	642	18	626	17	609	19	672	151	11	128	3	12	24	24		
5	Phường Đông Vãn	4	4	84	3,147	668	19	660	657	15	594	17	628	15	592	18	673	142	11	123	1	8	98	98		
6	Phường Duy Hà	3	3	60	2,385	519	14	517	514	12	466	12	460	11	445	11	497	99	6	87		6	22	22		
7	Phường Duy Tân	3	3	58	2,093	424	12	428	423	11	385	12	432	10	369	13	479	104	9	86	1	9	40	40		
8	Phường Duy Tiên	4	2	83	3,104	672	18	661	659	16	564	16	604	16	591	17	684	140	11	121	4	8	66	66		
9	Phường Hà Nam	4	4	64	2,128	405	13	399	394	13	407	12	418	12	410	14	494	111	10	93		8	63	63		
10	Phường Hoa Lư	15	13	398	13,674	2,781	80	2,787	2,764	80	2,656	83	2,760	74	2,500	81	2,971	653	31	575	14	47	171	171		
11	Phường Hồng Quang	3	3	78	2,464	505	16	501	498	14	433	17	507	14	476	17	547	145	7	120	2	18	62	57	5	
12	Phường Kim Bảng	3	3	63	2,145	446	13	446	441	13	390	13	454	11	399	13	456	107	8	89		10	26	26		
13	Phường Kim Thanh	3	3	66	2,268	442	13	441	439	13	449	14	482	12	444	14	452	113	8	97	2	8	52	52		
14	Phường Lê Hồ	3	3	84	2,729	536	16	543	535	16	521	18	564	16	529	18	572	139	8	122	2	9	53	53		
15	Phường Liêm Tuyền	4	4	63	2,173	464	14	467	457	12	398	13	494	11	378	13	436	98	8	85	1	5	51	46	5	
16	Phường Lý Thường Kiệt	2	2	55	1,763	377	11	377	371	11	318	12	367	10	321	11	380	99	8	82	2	9	59	59		
17	Phường Mỹ Lộc	5	5	83	2,849	555	17	554	549	15	525	17	590	16	530	18	650	153	10	123	3	20	74	74		
18	Phường Nam Định	15	7	359	13,304	2,602	67	2,567	2,556	70	2,566	72	2,692	74	2,535	76	2,944	658	35	533	5	90	244	244		
19	Phường Nam Hoa Lư	5	4	118	4,283	878	25	880	863	23	835	23	862	22	798	25	908	188	13	162	3	13	58	58		
20	Phường Nguyễn Úy	3	2	65	2,121	445	14	449	439	12	395	12	412	14	436	13	429	109	9	91	2	9	48	48		
21	Phường Phù Lý	8	6	167	5,780	1,186	35	1,191	1,170	31	1,072	33	1,163	32	1,076	36	1,278	283	17	244	6	22	88	88		
22	Phường Phù Vân	5	2	103	3,404	675	21	679	671	21	629	20	683	20	657	21	756	179	11	154	5	14	71	71		
23	Phường Tam Chúc	3	3	44	1,265	255	9	259	255	9	247	10	277	8	242	8	240	85	7	70	3	8	15	15		
24	Phường Tam Điệp	2	2	69	2,674	525	14	523	517	15	560	14	534	12	489	14	568	133	7	112		14	72	72		
25	Phường Tây Hoa Lư	6	6	103	3,610	707	20	706	693	20	667	21	742	21	706	21	789	181	13	153	4	15	56	56		
26	Phường Thành Nam	2	2	49	2,129	407	9	392	392	9	422	10	431	10	397	11	487	86	4	75	1	7	2	2		
27	Phường Thiên Trường	3	3	53	1,914	364	10	364	357	11	399	10	383	11	387	11	381	93	6	77	2	10	23	23		
28	Phường Tiên Sơn	3	2	63	2,144	427	13	424	421	12	419	12	409	12	435	14	457	106	7	92	1	7	21	21		
29	Phường Trung Sơn	3	3	73	2,513	473	14	473	471	14	470	15	498	14	483	16	589	134	9	112	3	13	50	48	2	
30	Phường Trường Thi	6	6	147	5,360	1,029	30	1,035	1,028	28	1,009	30	1,098	28	1,015	31	1,203	262	15	216	2	31	73	73		
31	Phường Vị Khê	3	3	78	2,667	526	16	525	524	15	500	16	545	15	526	16	571	144	10	120	3	14	15	15		
32	Phường Yên Sơn	3	3	53	1,839	351	11	356	349	10	355	11	386	10	360	11	382	95	9	75	1	11	53	53		
33	Phường Yên Thắng	3	3	66	2,267	498	15	489	484	13	445	14	488	11	394	13	451	111	5	95	5	11	61	61		
34	Xã Bắc Lý	3	1	66	2,068	425	14	437	421	13	394	13	388	13	389	13	460	100	6	89		5	44	44		
35	Xã Bình An	4		78	2,728	508	15	514	507	15	525	16	567	17	548	15	574	134	11	111	1	12	47	47		
36	Xã Bình Giang	3		51	1,694	324	10	330	321	10	306	11	369	10	333	10	356	78	6	67	2	5	38	38		
37	Xã Bình Lục	3	3	70	2,440	481	15	478	473	12	432	15	528	13	447	15	555	121	10	103	1	8	28	28		
38	Xã Bình Minh	3	2	79	2,618	507	15	502	495	15	530	15	505	16	511	18	570	143	12	117	4	14	79	79		
39	Xã Bình Mỹ	2	2	70	2,232	457	14	454	448	14	443	14	439	14	431	14	465	118	8	103		7	47	47		
40	Xã Bình Sơn	3	1	60	1,984	366	12	374	365	12	410	11	387	12	378	13	435	100	7	86	1	7	5	4	1	
41	Xã Cát Thành	3	3	81	2,939	593	16	601	591	16	585	17	593	16	570	16	590	138	8	119		11	81	81		
42	Xã Chât Bình	1	1	41	843	177	8	177	176	8	161	8	177	9	168	8	160	55	4	47	1	4	19	19		
43	Xã Cổ Lễ	3	3	83	3,000	597	17	592	591	18	617	17	624	15	527	16	640	146	8	126	3	12	44	44		
44	Xã Cúc Phương	2	2																							

53	Xã Gia Tường	3	3	47	1,527	310	9	312	306	9	276	10	320	9	274	10	345	84	6	71	3	7	17	17		
54	Xã Gia Vân	3	3	66	2,265	466	14	480	465	13	445	14	446	12	435	13	459	106	5	92	1	9	65	65		
55	Xã Gia Viên	3	2	78	2,485	511	16	513	505	15	467	16	492	15	497	16	516	133	9	108		16	29	29		
56	Xã Giao Bình	3	3	56	1,709	327	11	331	326	11	345	11	352	10	312	13	369	95	6	82		7	56	56		
57	Xã Giao Hòa	3	3	87	2,918	608	18	594	593	19	607	17	594	16	565	17	558	131	8	115	2	8	55	54		1
58	Xã Giao Hưng	4	3	70	1,991	407	17	427	405	14	385	14	416	12	354	13	409	116	8	98	2	10	54	54		
59	Xã Giao Minh	3	3	54	1,767	340	10	335	332	11	362	11	369	11	342	11	359	96	7	81	1	8	3	3		
60	Xã Giao Ninh	3	3	69	2,193	466	14	452	447	13	438	13	415	14	417	15	471	116	8	101	1	7	52	52		
61	Xã Giao Phúc	3	3	57	1,811	400	12	401	398	12	353	11	356	11	329	11	372	96	6	82	1	8	57	57		
62	Xã Giao Thủy	4	4	90	2,938	605	18	603	600	18	599	18	563	17	544	19	629	154	10	133	2	11	71	71		
63	Xã Hải An	3	3	53	1,844	386	11	386	385	11	373	10	352	10	374	11	359	93	6	78		9	4	4		
64	Xã Hải Anh	3	3	121	4,444	899	25	901	899	23	849	26	962	23	833	24	899	187	8	170	2	9	8	7	1	
65	Xã Hải Hậu	5	5	102	3,577	720	20	717	716	20	692	21	689	20	704	21	775	172	11	146	3	15	102	99	3	
66	Xã Hải Hưng	7	7	137	4,939	1,008	28	1,013	1,008	28	1,028	27	1,017	26	905	28	976	232	16	194	2	22	52	50	2	
67	Xã Hải Quang	3	3	54	1,904	397	11	394	392	11	372	11	401	11	377	10	360	94	6	79	2	9	35	35		
68	Xã Hải Thịnh	3	3	67	2,467	506	14	508	503	13	475	14	534	13	462	13	488	111	6	97	3	8	39	39		
69	Xã Hải Tiến	5	5	101	3,619	793	22	787	778	20	694	21	721	19	689	19	728	179	11	153	1	15	44	44		
70	Xã Hải Xuân	5	5	100	3,607	745	20	732	724	19	709	20	708	20	681	21	777	166	11	140	2	15	55	55		
71	Xã Hiền Khánh	4	4	64	2,067	410	13	406	406	13	394	13	432	13	409	12	426	116	9	90	1	17	32	32		
72	Xã Hồng Phong	3	3	55	1,761	346	11	347	340	10	328	11	387	12	358	11	341	94	6	80	2	8	55	55		
73	Xã Khánh Hội	3	3	55	1,967	380	11	383	374	11	391	11	397	11	390	11	406	93	7	80	2	6	22	22		
74	Xã Khánh Nhạc	3	3	61	2,269	475	13	466	466	12	457	13	475	11	428	12	443	105	8	90	5	7	43	43		
75	Xã Khánh Thiện	3	3	59	2,013	380	11	380	376	11	371	13	449	11	372	13	441	105	8	90	4	7	26	24	1	1
76	Xã Khánh Trung	4	4	58	2,080	438	13	434	433	11	413	11	411	11	372	12	450	100	8	84	2	8	58	58		
77	Xã Kim Đông	2		30	964	209	6	206	204	6	186	6	196	6	168	6	208	54	4	45	2	5	30	30		
78	Xã Kim Sơn	1		37	1,192	268	8	270	268	7	242	7	209	7	232	8	239	70	7	57	1	6	37	37		
79	Xã Lai Thành	3	3	63	2,053	426	13	418	415	13	409	13	401	12	410	12	415	111	10	92	4	9	35	35		
80	Xã Liêm Hà	3	2	63	1,917	361	12	363	359	12	365	13	409	12	355	14	425	101	7	83	1	11	63	63		
81	Xã Liên Minh	3	3	68	2,360	467	14	468	462	14	478	13	472	14	471	13	471	119	9	94	1	16	47	46	1	
82	Xã Lý Nhân	3		69	2,217	416	13	430	416	14	430	14	449	13	436	15	472	111	7	97	1	7	49	49		
83	Xã Minh Tân	4	4	59	2,101	424	12	428	424	12	415	13	442	10	375	12	441	111	9	85	1	17	30	30		
84	Xã Minh Thái	3	3	67	2,491	501	14	503	499	12	462	15	559	13	476	13	491	112	6	98	4	8	33	33		
85	Xã Nam Đồng	2	2	45	1,309	260	9	259	259	8	234	10	276	8	242	10	298	88	5	71		12	6	6		
86	Xã Nam Hồng	3	3	71	2,257	438	14	444	434	14	438	15	507	12	398	16	470	125	10	102	1	13	55	54	1	
87	Xã Nam Lý	3	3	86	2,738	557	18	560	552	17	525	17	570	16	494	18	589	132	9	115		8	31	31		
88	Xã Nam Minh	3	3	74	2,384	501	15	501	492	16	483	14	492	14	430	15	478	134	9	111	4	14	32	32		
89	Xã Nam Ninh	2	2	67	2,103	442	13	433	432	13	404	14	428	13	407	14	431	127	10	103	3	14	67	67		
90	Xã Nam Trực	2	2	86	2,774	494	16	499	494	17	539	18	590	17	542	18	604	150	9	128	2	13	6	6		
91	Xã Nam Xang	3	1	69	2,159	416	14	422	416	13	402	13	426	13	419	16	490	106	6	95	1	5	71	71		
92	Xã Nghĩa Hưng	4	4	85	2,889	582	18	573	569	17	589	18	631	15	530	17	566	146	9	125	2	12	26	26		
93	Xã Nghĩa Lâm	3	3	57	1,916	393	12	376	371	11	381	12	389	11	393	11	377	99	6	84		9	31	31		
94	Xã Nghĩa Sơn	2	2	71	2,383	481	14	465	465	15	479	15	494	13	461	14	484	106	5	95	1	6	71	71		
95	Xã Nhân Hà	1	1	54	1,628	326	11	330	326	9	298	12	354	11	312	11	334	79	5	68	1	6	54	54		
96	Xã Nho Quan	4	4	78	2,527	484	15	477	474	15	489	17	522	15	497	16	542	145	11	118	3	16	43	43		
97	Xã Ninh Cường	3	3	76	2,721	508	15	508	504	16	541	16	565	14	546	15	561	122	6	107	1	9	76	76		
98	Xã Ninh Giang	3	3	72	2,661	557	15	559	553	15	559	14	542	14	466	14	535	129	8	110	2	11	49	49		
99	Xã Phát Diệm	4	1	81	2,672	529	17	527	523	16	509	16	531	15	504	17	601	136	11	113	2	12	64	64		
100	Xã Phong Doanh	3	3	72	2,570	520	15	518	515	15	497	14	514	14	484	14	557	130	10	108	2	12	19	19		
101	Xã Phú Long	2	2	36	938	181	7	186	176	7	166	8	206	6	161	8	219	61	3	52	3	6	23	22	1	
102	Xã Phú Sơn	3	3	56	1,803	374	12	372	365	10	335	11	364	11	351	12	381	94	5	80	3	9	56	56		
103	Xã Quang Hưng	3	3	40	1,346	266	8	269	263	8	270	8	299	8	240	8	268	76	6	61	1	9	32	32		
104	Xã Quang Thiện	3	2	69	2,345	480	14	479	475	14	445	14	476	13	422	14	523	119	8	101	3	10	69	69		
105	Xã Quỳ Nhất	5	4	70	2,367	516	15	503	499	14	463	14	456	13	453	14	492	128	10	105		13	56	56		
106	Xã Quỳnh Lưu	2	2	45	1,560	315	9	318	310	9	312	10	330	8	287	9	313	71	5	62	2	4	45	45		
107	Xã Rạng Đông	3	3	73	2,453	503	14	494	482	15	495	15	505	15	439	14	520	113	7	99	2	7	29	29		
108	Xã Tân Minh	1	1	69	2,114	446	15	446	445	13	389	14	449	13	405	14	425	131	11	108	5	12	38	38		
109	Xã Tân Thanh	3	2	70	2,159	433	14	436	432	14	464	14	440	14	396	14	423	117	8	94		15	51	51		
110	Xã Thanh Bình	2	1	48	1,418	295	10	293	292	10	273	10	313	8	250	10	289	80	5	66		9	35	35		
111	Xã Thanh Lâm	3	1	79	2,364	466	16	465	465	16	470	18	524	14	435	15	470	112	8	92	1	12	79	73	6	
112	Xã Thanh Liêm	3	2	61	1,924	420	13	420	417	11	337	12	382	12	389	13	396	90	6	73		11	25	25		
113	Xã Thanh Sơn	3	3	59	1,878	360	12	366	357	11	349	12	395	12	385	12	383	106	9	89	3	8	23	23		
114	Xã Trần Thương	3	1	49	1,440	256	9	263	255	10	269	10	299	10	270	10	339	82	6	70	1	6	22	22		
115	Xã Trục Ninh			33	1,151	239	7	239	238	6	214	6	221	7	243	7	234	62	5	51	3	6	23	23		
116	Xã Vạn Thắng	3	3	73	2,528	482	14	492	482	14	471	15	545	14	4											

120	Xã Xuân Giang	4	4	95	2,688	502	20	504	501	18	512	19	585	17	499	21	588	169	11	147		11	65	65		
121	Xã Xuân Hồng	2	2	65	1,721	310	14	311	305	11	306	12	349	12	333	16	422	118	9	100	1	9	65	65		
122	Xã Xuân Hưng	5	5	121	3,881	720	23	738	717	25	777	26	812	23	759	24	795	214	13	184	1	17	105	97	8	
123	Xã Xuân Trường	6	6	166	5,377	1,054	32	1,047	1,042	33	1,072	35	1,139	32	1,012	34	1,107	282	15	245	2	22	90	90		
124	Xã Ý Yên	7	7	127	4,258	873	28	865	857	24	802	25	898	24	787	26	906	219	15	183	3	21	22	18	4	
125	Xã Yên Cường	4	3	98	3,172	658	20	661	658	20	625	19	653	18	603	21	630	153	11	130	3	12	76	76		
126	Xã Yên Đông	3	3	77	3,038	621	17	629	619	15	574	16	645	14	539	15	651	126	8	108	3	10	64	64		
127	Xã Yên Khánh	5	4	99	3,524	725	20	727	717	19	722	21	705	19	663	20	707	169	14	143	4	12	42	42		
128	Xã Yên Mạc	2	2	49	1,724	372	10	376	371	9	317	10	345	9	314	11	372	82	5	70		7	3	3		
129	Xã Yên Mô	5	5	86	2,932	581	18	581	569	18	577	19	610	15	561	16	603	158	10	130	3	18	9	9		
130	Xã Yên Từ	3	2	72	2,424	535	15	527	521	16	490	15	503	12	418	14	486	117	7	100	3	10	29	29		